TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K- TỈNH NINH BÌNH** Bản án số**: 44/2020/HNGĐ-ST** Ngày 24/12/2020 "V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Anh.
Các hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Bính và ông Vũ Xuân Dự
- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thuý Lan, thư ký Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Ninh Bình.
- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:***bà Đặng Thị Doan, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử công khai vụ án thụ lý số 167/2020/TLST - HNGĐ ngày 8 tháng 10 năm 2020 về " Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị V, sinh năm 1995; ĐKHKTT: xóm 12, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Địa chỉ cư trú hiện tại: Xóm 3, xã X, huyện K, tỉnh Ninh Bình. (vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Trần Văn C sinh năm 1994; ĐKHKTT và cư trú tại: xóm 12, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Trần Thị V trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án trình bày: Chị và anh Trần Văn C kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại UBND xã X tháng 12 năm 2015. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xóm 12, xã L, huyện K. Vợ chồng đã có thời gian chung sống hòa thuận thì phát sinh mâu thuẫn. Vì mâu thuẫn kéo dài và không thể khắc phục chị và anh Trần Văn C đã sống ly thân không còn quan tâm nhau từ năm 2018 cho đến nay.

Theo chị V thì nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị tính tình không hợp, bất đồng quan điểm lối sống, giữa vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra sô sát cãi nhau. Mặc dù vợ chồng đã nhiều lần tự hoà giải, gia đình hai bên đã khuyên giải nhưng mâu thuẫn không khắc phục được. Nên năm 2018 chị V đã sống ly thân với anh C; từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể quay về chung sống

với nhau được nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 1 con chung là Trần Nguyên K, sinh ngày 14/02/2016, hiện đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng, khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh C đóng góp tiền nuôi con cho chị.

Về tài sản: Chị và C tự thoản thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc không thể tham gia phiên tòa theo triệu tập của Tòa án chị có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn anh Trần Văn C trong bảntrình bày ý kiến và quá trình giải quyết vụ án trình bày như sau: anh xác nhận anh và chị V có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại UBND xã X nay là xã X là quê của cô V năm 2015. Quá trình chung sống vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm dẫn đến vợ chồng cãi vã nhau; bản thân đã tìm cách khắc phục nhưng không có kết quả. Nay chị V yêu cầu ly hôn với anh, anh đồng ý để giải thoát cho đôi bên ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 01 con chung Trần Nguyên K, sinh ngày 14/02/2016, hiện đang ở với chị V, khi ly hôn, anh đồng ý cho V được nuôi dưỡng con chung, và không đóng góp tiền nuôi con cho chị V; chị V không được cản trở quyền thăm nom con chung của anh và gia đình anh: trường hợp chị V không đủ kinh tế nuôi con chung thì anh sẽ đón con về nuôi,

Về tài sản chung: Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc không thể tham gia tố tụng theo yêu cầu cầu Tòa án anh có đơn xin xét xử vắng mặt.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về tố tụng: nguyên đơn và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của BLTTDS

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về hướng giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật HNGĐ; Điều 147, 228 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14: Xử ly hôn giữa chị Trần Thị V và anh Trần Văn C; giao chị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của vợ chồng là Trần Nguyên K, sinh ngày 14/02/2016, đến khi thành niên; anh C không phải đóng góp tiền nuôi con cho chị V; chị V phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Trần Thị V khởi kiện yêu cầu giải quyết việc ly hôn và tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn với anh Trần Văn C, cư trú tại xóm 12, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình; căn cứ quy định tại điều 28 và 39 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện K. Nguyên đơn chị Trần Thị V và bị đơn anh Trần Văn C đã được Tòa án tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo đúng quy định của pháp luật; do bận công việc nên cả nguyên

đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt họ, căn cứ Điều 228 BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị V và anh Trần Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 2015 tại UBND xã X cũ nay là xã XC, là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật HNGĐ; sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận một thời gian thì mới phát sinh mâu thuẫn.

Về phía chị V và anh C đều xác định mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, giữa hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra xô sát cãi chửi nhau. Mặc dù vợ chồng đã nhiều lần tự hoà giải, gia đình hai bên đã khuyên giải nhưng mâu thuẫn không khắc phục được. Nên năm 2018 chị V đã sống ly thân với anh C.

Xác minh tình trạng hôn nhân của chị Trần Thị V và anh Trần Văn C tại xã L, thì chính quyền địa phương, gia đình anh C đều xác nhận chị V và anh C xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống; vì mâu thuẫn không giải quyết được chị V bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống từ năm 2018, không còn chung sống với anh C nữa.

Như vậy từ trình bày và thái độ của hai bên trong quá trình giải quyết vụ án đã cho thấy chị V không còn muốn quay về chung sống với anh C nữa và anh C cũng bỏ mặc, không chủ động hòa giải với chị V cũng như không tham gia hòa giải tại Tòa án.

Từ những căn cứ đó đã có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân của chị V và anh C hiện nay đã trầm trọng, mâu thuẫn không thể khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể duy trì cuộc sống chung; căn cứ quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình, yêu cầu của chị V giải quyết ly hôn với anh C là có căn cứ được chấp nhận.

[3] Về quan hệ con chung : chị V và C đều xác định có 01 con chung là Trần Nguyên K, sinh ngày 14/02/2016, hiện đang do chị V trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị V yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh C phải đóng góp tiền nuôi dưỡng con chung với chị; về phía anh C cũng đồng ý cho V được nuôi dưỡng con chung, không nhất trí đóng góp tiền nuôi dưỡng con chung với chị V.

Thực tế từ khi ly thân đến nay con chung do chị V trực tiếp nuôi dưỡng và cuộc sống của con chung vẫn được đảm bảo mà không có sự đóng góp của anh C; mặc dù được giải thích nhưng chị V vẫn không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị khi ly hôn. Vì vậy việc giao chị V tiếp tục nuôi con chung và anh C không phải đóng góp tiền nuôi con chung của chị V đề xuất là phù hợp, được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Chị Trần Thị V và anh Trần Văn C đều không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về vấn đề này

[5] Về án phí: Căn cứ quy định tại điều 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 buộc chị V phải nộp toàn bộ án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật HNGĐ; Điều 147, 228 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Xử ly hôn giữa chị Trần Thị V và anh Trần Văn C.

2/ Về con chung: Giao chị Trần Thị V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của vợ chồng là Trần Nguyên K, sinh ngày 14/02/2016 đến khi thành niên. Anh C không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung với chị V. Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

3/ Về án phí: Chị Trần Thị V phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA 2440 ngày 08/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- UBND xã X, L;
- Lưu VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Thế Anh